

GIÁO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Văn phòng Đảng ủy xã

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					4.791,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				4.791,0
1	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				4.791,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	819	351	13	3.702,0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	819	351	12	1.089,0
-	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ xã Nhiệm kỳ 2025-2030				1.000,0
-	Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cho công tác chia tách, sáp nhập cấp xã				60,0
-	Kinh phí tặng quà các điểm đạo dịp lễ Noel				29,0

Ghi chú:

- (1) bao gồm: Lương, phụ cấp lương cán bộ, công chức theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; Kinh phí hoạt động đặc thù; Kinh phí hoạt động ban chỉ đạo 160, ban chỉ đạo 35; Kinh phí hoạt động của ban cơ yếu; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DỤC TOÀN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Ủy ban mặt trận tổ quốc xã

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				2.517,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				2.517,0
1	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				2.517,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	820	361	13	2.497,0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	820	361	12	20,0
-	Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cho công tác chia tách, sáp nhập cấp xã				20,0

Ghi chú:

- (1) bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, công chức theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; Kinh phí thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng NTM đô thị văn minh"; Kinh phí tổ chức các đại hội đoàn thể nhiệm kỳ 2025-2030; Kinh phí tổ chức hội nghị hiệp thương chuẩn bị bầu cử đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2026-2031; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				5.938,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				5.938,0
1	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				5.030,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	830	341	13	4.860,0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	830	341	12	170,0
-	Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cho công tác chia tách, sáp nhập cấp xã				170,0
2	Quốc phòng				360,0
2.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (2)	830	011	13	360,0
3	An ninh và trật tự an toàn xã hội				548,0
3.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (3)	830	041	13	548,0

Ghi chú:

- (1) bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, công chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí hoạt động đặc thù HĐND, UBND; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản;...

- (2) bao gồm: Các khoản phụ cấp lực lượng dân quân tự vệ; Khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn xã.

- (3) bao gồm: Trợ cấp hàng tháng của lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cơ sở

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Phòng Văn hóa Xã hội

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				8.370,0
1	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				1.199,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	832	341	13	1.108,0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	832	341	12	91,0
-	Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cho công tác chia tách, sáp nhập cấp xã				80,0
-	Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống công an nhân dân Việt Nam và 20 năm ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ Quốc				7,0
-	Khen thưởng đột xuất trong đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng tám, Quốc khánh 02/9 và Đại hội Đảng các cấp				4,0
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				64,0
2.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (2)	832	098	13	64,0
3	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao				52,0
3.1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	832	221	12	52,0
-	Đại hội thể dục thể thao ngành giáo dục năm 2025				52,0
4	Chi bảo trợ xã hội				7.055,0
4.1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	832	398	12	7.055,0
-	Chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo ND 20/2021/NĐ-CP				6.203,0
-	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách				836,0
-	Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 28/2023/QĐ-TTg				16,0

Ghi chú:

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
----	----------	--------	-------	-------------------	---------

- (1) bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, công chức theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; Kinh phí tổ chức đại hội thi đua yêu nước, hội nghị, tập huấn theo kế hoạch ...

- (2) bao gồm: Kinh phí tổ chức điều tra, cập nhật dữ liệu phần mềm và phiếu điều tra phổ cập giáo dục xóa mù chữ; Kinh phí tổ chức bồi dưỡng chính trị hè cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường năm 2025; Kinh phí in, mua giấy khen ngành giáo dục

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)



GIAO DƯ TOÀN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trung tâm phục vụ hành chính công

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				840,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				840,0
1	Quản lý nhà nước				840,0
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	833	341	13	765,0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	833	341	12	75,0
-	Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cho công tác chia tách, sáp nhập cấp xã				75,0

Ghi chú:

- (1) bao gồm: Lương, phụ cấp lương của công chức theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; Kinh phí truy lĩnh bậc lương năm 2024 ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trung tâm dịch vụ tổng hợp

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				358,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				358,0
1	Sự nghiệp văn hóa và thông tin				143,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	821	161	13	143,0
2	Sự nghiệp thể dục, thể thao				215,0
2.1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	821	221	12	215,0
-	Kinh phí hỗ trợ tổ chức giải thể thao xã Nà Hỳ trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2025				15,0
-	Đại hội thể dục thể thao xã Nà Hỳ lần thứ nhất, năm 2025				200,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của viên chức theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...
- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Na Hui)

Tên đơn vị: **Trung tâm chính trị**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				404,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				404,0
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				404,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	989	083	13	284,0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	989	083	12	120,0
-	Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cho công tác chia tách, sáp nhập cấp xã				5,0
-	Thực hiện mở các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, nhận thức về Đảng theo kế hoạch				115,0

Ghi chú:

- (1) bao gồm: Lương, phụ cấp lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí mua mới phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GAO DU' TOAN CHI NGAN SACH DIA PHUONG NAM 2025
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: **Trường Mầm non Nà Hỳ**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					7.696,0
I CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ					7.696,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				7.696,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	071	13	6.522,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	071	18	390,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	071	12	784,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				250,0
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo NĐ 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ				326,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				199,0
-	Chính sách hỗ trợ mầm non, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ				9,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường Mầm non Nậm Chua

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				3.564,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				3.564,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				3.564,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	071	13	2.889,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	822	071	18	207,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	071	12	468,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo ND số 238/2025/ND-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				115,0
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo ND 105/2020/ND-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ				180,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo ND 66/2025/ND-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				173,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...
- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO ĐU' TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường Mầm non Nà Khoa

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					4.220,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				4.220,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				4.220,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	071	13	3.518,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	822	071	18	183,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	071	12	519,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo ND số 238/2025/ND-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				162,0
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo ND 105/2020/ND-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ				210,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo ND 66/2025/ND-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				147,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DỤC TOÀN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường Mầm non Nậm Nhừ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					5.629,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				5.629,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				5.629,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	071	13	4.557,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	071	18	244,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	071	12	828,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				282,0
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo NĐ 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ				331,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				215,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...
- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: **Trường Mầm non Hòa Ban**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					4.951,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				4.951,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				4.951,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	071	13	4.151,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	071	18	240,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	071	12	560,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				174,0
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo NĐ 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ				226,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				160,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; Trợ cấp lần đầu theo NĐ 76/2019/NĐ-CP của 01 biên chế tuyển mới; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học Nà Hỳ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					12.399,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				12.399,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				12.399,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	072	13	9.980,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	822	072	18	624,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	072	12	1.795,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo ND số 238/2025/ND-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				505,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo ND 66/2025/ND-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				1.273,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				17,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học Nà Khoa

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					4.940,0
I CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ					4.940,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				4.940,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	072	13	3.460,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	072	18	228,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	072	12	1.252,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				275,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				977,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				0,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...
- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DỤ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nà Hỳ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					9.809,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				9.809,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				9.809,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	073	13	7.903,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	073	18	380,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	073	12	1.526,0
-	Chính sách-miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				414,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				1.047,0
-	Chính sách hỗ trợ mầm non, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ				17,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				48,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DỤC TOÀN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường THPTBT THCS Nậm Chua

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					9.707,0
I CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ					9.707,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				9.707,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	073	13	7.359,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	073	18	362,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	073	12	1.986,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				468,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				1.454,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				64,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GAO DU TOAN CHI NGAN SACH DIA PHUONG NAM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nà Khoa

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					5.497,0
I CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ					5.497,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				5.497,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	073	13	4.206,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	073	18	243,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	073	12	1.048,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				196,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				802,0
-	Chính sách hỗ trợ mầm non, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ				34,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				16,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Nà Hỳ)

Tên đơn vị: Trường PTDTBT TH - THCS Nậm Nhừ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
	Tổng cộng				11.133,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				11.133,0
1	Sự nghiệp giáo - dục đào tạo và dạy nghề				11.133,0
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (1)	822	073	13	7.868,0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	822	073	18	293,0
1.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	822	073	12	2.972,0
-	Chính sách miễn giảm, hỗ trợ CPHT theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ				595,0
-	Chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ				2.249,0
-	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tin liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC				128,0

Ghi chú:

- (1) đã bao gồm: Lương, phụ cấp lương của cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phẩm mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản; ...

- Yêu cầu đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Kinh tế phê duyệt (1/6 tháng)

GIÁO DỤC TOÀN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Na Hỳ)

Tên đơn vị: Công an xã Na Hỳ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Khoản	Mã nguồn NS	Dự toán
Tổng cộng					150,0
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ				150,0
1	An ninh và trật tự an toàn xã hội				150,0
1.1	Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã	860	041	12	150,0